

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09-4-2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Nghĩa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương
2. Ông Nguyễn Thế Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hồng N - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 275/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tô Khánh Đ, sinh năm 1997 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn F, xã K, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Số I T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1997 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số B L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số A T, khu phố D P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Tô Khánh Đ trình bày:***

Ông Đ và bà Nguyễn Thị Tuyết T sau thời gian tìm hiểu thì hai bên đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) vào ngày 11/12/2018.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông Đ, bà T chung sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó giữa vợ chồng ông Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn sự tôn trọng, yêu thương, chia sẻ với nhau. Từ tháng 9/2024, bà T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng ông Đ sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay ông Đ cho rằng mâu thuẫn không thể hòa giải nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Đ, bà T có một con chung là cháu Tô Ngọc D, sinh ngày 18/4/2018. Khi ly hôn, ông Đ yêu cầu giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026.

Trong thời gian ly thân ông Đ thỉnh thoảng có chuyển tiền cho con. Hiện nay ông Đ làm công việc lái xe cuốc, thu nhập mỗi tháng khoảng 14.000.000 đồng và đang ở nhà trọ.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai và đơn vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày:***

Bà T và ông Đ tự nguyện chung sống và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 11/12/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng, yêu thương, chia sẻ với nhau. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn thì bà T cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà T và ông Đ có một con chung là Tô Ngọc D, sinh ngày 18/4/2018, hiện nay cháu D đang được bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ông Đ đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng thì bà T cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ vào lời khai của đương sự nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Đ và bà T đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, cho ông Đ được ly hôn với bà T. Giao con chung là Tô Ngọc D, sinh ngày 18/4/2018, cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T cư trú tại A T, khu phố D P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh và tranh chấp giữa các bên thuộc loại quan hệ về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung giải quyết

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà T là hợp pháp, do cả hai đã tiến hành đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đúng quy định pháp luật.

Theo trình bày của các đương sự thì trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng ông Đ, bà T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn sự tôn trọng, chăm sóc, yêu thương, chia sẻ với nhau và không mong muốn cùng nhau duy trì cuộc hôn nhân. Nay, trước yêu cầu ly hôn của ông Đ thì bà T cũng đồng ý.

Vì vậy, căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, cho ông Đ được ly hôn với bà T.

[2.2] Về con chung:

Ông Đ, bà T có một con chung là cháu Tô Ngọc D, sinh ngày 18/4/2018. Khi ly hôn ông Đ đồng ý giao cháu D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi

trưởng thành. Xét bà T có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, do đó để bảo đảm sự phát triển tốt nhất của con chung, cần giao cháu D cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng và bà T cũng đồng ý với mức cấp dưỡng này. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:*

Ông Đ, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] *Về án phí*

Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Khánh Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Khánh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết T.

- Về con chung: Ông Tô Khánh Đ và ông bà Nguyễn Thị Tuyết T có một con chung là Tô Ngọc D, sinh ngày 18/4/2018. Khi ly hôn, giao cháu Tô Ngọc D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Tô Khánh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Ông Tô Khánh Đ được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm

nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Tô Khánh Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0034988, ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Tô Khánh Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

3. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/4/2026), nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV12-TP . Hồ Chí Minh;
- TAND TP . Hồ Chí Minh;
- TP . Hồ Chí Minh;
- UBND P.Vũng Tàu, TP . Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Minh Nghĩa